

THÔNG BÁO

Thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức ngành KSND năm 2019 và nộp hồ sơ tuyển dụng công chức

Thực hiện Kế hoạch số 133/KH-VKSTC ngày 31/7/2019 của VKSND tối cao về thi tuyển công chức ngành KSND năm 2019; căn cứ kết quả thi tuyển công chức, Hội đồng tuyển dụng công chức VKSND tối cao Thông báo kết quả thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức ngành Kiểm sát nhân dân năm 2019 (có danh sách kèm theo) trên cổng thông tin điện tử VKSND tối cao tại địa chỉ: <http://www.vksndtc.gov.vn>.

Yêu cầu mỗi thí sinh xây dựng 02 bộ hồ sơ và nộp tại Hội đồng tuyển dụng công chức VKSND tối cao (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả trúng tuyển trên cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao.

Hồ sơ tuyển dụng gồm các giấy tờ, tài liệu sau đây:

- Phiếu đăng ký dự tuyển công chức theo mẫu (Phụ lục số 03) Quy chế số 587/QĐ-VKSTC ngày 29/11/2019 của VKSND tối cao về tuyển dụng công chức ngành KSND.

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của chính quyền địa phương nơi người dự tuyển thường trú trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý công chức (nếu là con cán bộ trong ngành).

- Phiếu lý lịch tư pháp (do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp);

Nếu hồ sơ được gửi theo đường bưu điện thì tính từ ngày bưu điện nơi gửi đóng dấu trên phong bì). Sau thời gian quy định nêu trên Hội đồng tuyển dụng công chức sẽ không giải quyết việc tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng và phần công công tác đối với thí sinh.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Vụ Tổ chức cán bộ VKSND tối cao, số 9 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Hội đồng tuyển dụng công chức VKSND tối cao thông báo để thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức ngành KSND năm 2019 được biết. Yêu cầu VKSND cấp tỉnh (nơi nhận hồ sơ tuyển dụng công chức) tải thông tin, danh sách trúng tuyển của thí sinh, đăng trên cổng thông tin điện tử của đơn vị và dán tại trụ sở của cơ quan, đồng thời thông báo tới các thí sinh trúng tuyển được biết./.

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC (để báo cáo);
- Đ/c Chủ tịch HĐTD công chức (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử VKSNDTC;
- Lưu: VT, V15.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
PHÓ CHỦ TỊCH



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Tăng Ngọc Tuấn

DANH SÁCH

Thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức ngành KSND năm 2019

(Kèm theo Thông báo số: 1048/TB-HĐTD ngày 07/7/2020 của Hội đồng tuyển dụng công chức VKSND tối cao)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
1	013	Hoàng Thị Phương Anh		8/5/1996	Tày	P. Chi Lăng, TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	
2	008	Hoàng Thị Lan Anh		25/6/1996	Tày	En H'leo, Đăk Lăk	
3	018	Lương Ngọc Anh		13/3/1996	Kinh	Nam Sách, Nam Sách, Hải Dương	
4	014	Phạm Công Hoàng Anh	19/3/1996		Kinh	Đông Hải I, Hải An, Hải Phòng	
5	012	Hoàng Hoài Anh		4/12/1996	Tày	P. Hoàng Văn Thụ, TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	
6	016	Nguyễn Ngọc Anh		16/7/1996	Mường	Hữu Nghị, Hòa Bình, Hòa Bình	
7	009	Nguyễn Thị Kim Anh		23/12/1996	Kinh	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	
8	010	Trần Huyền Anh		06/9/1996	Kinh	P. Bến Gỗ, TP Việt Trì, Phú Thọ	
9	011	Lê Hoàng Anh	06/6/1996		Kinh	Idêr, Idêr, Gia Lai	
10	020	Nguyễn Thị Diệp Anh		08/3/1996	Kinh	Đông Thịnh, Sông Lô, Vĩnh Phúc	
11	025	Phạm Thị Ngọc Anh		18/3/1996	Kinh	Mình Châu, Yên Mỹ, Hưng Yên	
12	022	Hà Ngọc Anh		16/02/1996	Tày	Hàng Mỹ, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	
13	025	Lưu Thanh Bình	15/11/1996		Kinh	Liên Phương, TP Hưng Yên, Hưng Yên	
14	026	Lê Phú Cẩn	18/10/1994		Kinh	Tân Bình, Lạc Gi, Bình Thuận	
15	030	Lại Đức Cường		2/1/1996	Kinh	Vạn Diên, Thường Tín, Hà Nội	
16	032	Nguyễn Mạnh Cường		29/4/1996	Kinh	Cốc Lều, Lào Cai, Lào Cai	
17	033	Phạm Văn Cường	05/10/1996		Kinh	Phong Cốc, Quảng Yên, Quảng Ninh	
18	028	Nông Đức Chính		22/10/1996	Nùng	Tân Nguyên, Yên Bình, Yên Bái	
19	034	Lương Thị Đình		15/11/1996	Tày	Mường Lát, Lạc Yên, Yên Bái	
20	035	Trần Quang Diệu	25/2/1995		Kinh	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
21	037	Nguyễn Tuấn Dũng	26/3/1996		Kinh	TT Tô Hạp, Khánh Sơn, Khánh Hòa	
22	036	Trần Nguyễn Dũng	19/10/1996		Kinh	Đặng Sơn, Đô Lương, Nghệ An	
23	042	Lê Văn Duy	10/12/1995		Kinh	Hoàng Đồng, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	
24	041	Phan Mạnh Duy	01/4/1996		Kinh	Kinh Ké, Lâm Thao, Phú Thọ	
25	040	Bùi Trần Khánh Duy	15/11/1996		Hoa	TT Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	
26	043	Cần Văn Duy	16/8/1995		Thái	Tương Phong, Phú Yên, Sơn La	
27	044	Trương Thị Duyên		17/7/1996	Sán Dư	Trung Mỹ, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	
28	045	Triệu Hồng Dương		26/3/1997	Dao	Đồng Phúc, Ba Bể, Bắc Kạn	
29	046	Lê Thành Đạt	5/3/1996		Kinh	Cẩm Thành-Cẩm Phú-Quảng Ninh	
30	048	Linh Tuấn Đồng	10/10/1996		Nàng	Bắc Lạn, Cao Bằng	
31	054	Nguyễn Trung Đức	30/8/1996		Kinh	Kính Giang, Thủy Nguyên, Hải Phòng	
32	052	Phan Hoàng Đức	20/12/1996		Kinh	TT Thanh, Chương, Thanh Chương, Nghệ An	
33	051	Vũ Đình Đức	25/2/1995		Kinh	TP Sơn La, Sơn La	
34	057	Phan Hương Giang		30/11/1996	Kinh	Hòa Mạc, Duy Tiên, Hà Nam	
35	056	Nguyễn Hoàng Giang	6/12/1996		Kinh	Dan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	
36	058	Lê Trường Giang	21/11/1996		Thái	TT Kim Sơn, Quế Phong, Nghệ An	
37	060	Vân Thị Hà		25/02/1996	Kinh	Mai Hưng, Hoàng Mai, Nghệ An	
38	063	Phạm Thị Mỹ Hà		22/6/1996	Kinh	Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	
39	061	Nguyễn Thị Ngân Hà		23/5/1996	Kinh	Sơn Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	
40	062	Hoàng Thị Nguyệt Hà		18/3/1996	Kinh	Ấn Độ, Yên Bái, Yên Bái	
41	059	Lý Vũ Việt Hà		10/9/1996	Kinh	Tân Yên, Hàm Yên, Tuyên Quang	
42	065	Nguyễn Văn Hà	23/01/1996		Kinh	Tiến Dũng, Yên Dũng, Bắc Giang	
43	064	Hoàng Quỳnh Hải	28/3/1996		Tây	Lạc Bình, Bạch Thông, Bắc Kạn	
44	069	Hoàng Mỹ Hạnh		09/12/1996	Kinh	Cẩm Bình, Cẩm Phả, Quảng Ninh	
45	068	Nguyễn Hồng Hạnh		04/8/1996	Kinh	Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
46	070	Lương Bích Hào		4/3/1996	Tây	Trảng Khính, Văn Lãng, Lạng Sơn	
47	066	Bồ Thị Thanh Hằng		04/3/1996	Tây	Quảng Thịnh, Thanh Hòa, Thanh Hóa	
48	071	Nguyễn Thị Hiền		23/3/1996	Kinh	Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	
49	072	Tạ Tường Hiếu	18/8/1996		Kinh	La Phù, Hoài Đức, Hà Nội	
50	074	Nguyễn Văn Hoài	10/2/1996		Kinh	Hồng Sơn, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	
51	073	Đỗ Tiến Hoài	06/8/1996		Kinh	Gia Cẩm -TP. Việt Trì - Phú Thọ	
52	075	Đổng Thu Hoài		08/10/1996	Thái	Đồng Khê, Văn Chấn, Yên Bái	
53	079	Trịnh Văn Hoàng	14/02/1995		Tây	Mình Tiến, Lạc Yên, Yên Bái	
54	080	Lê Thị Minh Hằng		09/10/1996	Kinh	Hàng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	
55	082	Đinh Thu Huệ		14/6/1995	Mường	Yên Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	
56	083	Phạm Đoàn Hằng	13/8/1996		Kinh	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	
57	092	Nguyễn Bá Huy	03/10/1996		Kinh	Tân Thịnh, Thái Nguyên, Thái Nguyên	
58	097	Nguyễn Thị Huyền		13/11/1996	Kinh	Võ Tranh, Lạc Nam, Bắc Giang	
59	095	Triệu Thị Huyền		11/6/1996	Nùng	Nam Tuấn, Hòa An, Cao Bằng	
60	094	Trần Thị Ngọc Huyền		1/3/1996	Kinh	Tơ Tung, Kháng, Gia Lai	
61	096	Bùi Thị Minh Huyền		12/7/1995	Kinh	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	
62	098	Hà Khánh Huyền		06/8/1996	Tây	Đồng Giáp, Văn Quan, Lạng Sơn	
63	093	Nguyễn Thị Thanh Huyền		17/12/1996	Kinh	P.Lê Lợi, Vinh, Nghệ An	
64	085	Lê Đình Hưng	09/01/1996		Kinh	Phước 2, Bảo Lộc, Lâm Đồng	
65	087	Phan Lê Quỳnh Hương		02/12/1996	Kinh	Đà Lạt, Lâm Đồng	
66	086	Hà Thị Thanh Hương		16/8/1996	Mường	Tân Phú, Tân Sơn, Phú Thọ	
67	104	Lưu Văn Kiên	02/5/1996		Kinh	Lưu Xá, Yên Mỹ, Hưng Yên	
68	105	Hà Chí Kiên	01/01/1996		Tây	Mai Sơn, Lạc Yên, Yên Bái	
69	100	Nguyễn Thế Khải		04/12/1996	Kinh	Khuang Đình, Thanh Xuân Hà Nội	
70	102	Nguyễn Nhân Khoa	24/10/1996		Kinh	Thuận Nam, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
71	101	Trần Đình Khoa	2/8/1996		Kinh	Vĩnh Trung, Nha Trang, Khánh Hòa	
72	103	Nguyễn Đình Khải	5/5/1995		Kinh	P.Quỳnh Thiện, Tx Hoàng Mai, Nghệ An	
73	106	Ngô Thanh Lâm	01/8/1996		Tây	Hồng Phong, Tam Thanh, Lạng Sơn	
74	108	Phạm Diễn Lễ		16/4/1996	Kinh	Ngũ Xã, Lê Chân, Hải Phòng	
75	112	Trương Nhật Linh		28/02/1996	Kinh	Đồng Mỹ, Đồng Hới, Quảng Bình	
76	116	Đoàn Ngọc Linh	01/10/1996		Kinh	Đồng Xuân, Thanh Ba, Phú Thọ	
77	115	Đinh Tài Linh		31/7/1995	Kinh	Thanh Tân, Thanh Liêm, Hà Nam	
78	114	Lê Thị Cẩm Linh		20/8/1996	Kinh	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	
79	117	Phạm Thủy Linh		14/8/1996	Kinh	Kỳ Châu, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	
80	109	Hoàng Thị Thủy Linh		30/5/1996	Tây	TP Lào Cai, Lào Cai	
81	110	Hoàng Thị Diệu Linh		29/10/1996	Tây	Bảo Thắng, Lào Cai	
82	113	Nguyễn Mai Linh		27/06/1996	Cao Lan	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên, Thái Nguyên	
83	111	Nguyễn Thị Diệu Linh		05/09/1996	Kinh	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	
84	122	Nguyễn Phi Long	18/4/1996		Kinh	YT KBang, Khung, Gia Lai	
85	123	Phạm Văn Long	31/10/1996		Kinh	Tân Quang, Tuyên Quang, Tuyên Quang	
86	126	Nguyễn Thị Tuyết Mai		04/7/1996	Kinh	Mình Dải, Tân Sơn, Phú Thọ	
87	125	Vàng Thị Sao Mai		15/9/1996	Mông	Điện Biên Đông, Điện Biên Đông, Điện Biên	
88	129	Vũ Đức Mạnh	24/8/1995		Kinh	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	
89	127	Lê Thị Mận		12/4/1996	Kinh	Tân Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	
90	134	Trần Thị Ngân		28/9/1996	Tây	Phúc Thọ, Châm Hóa, Tuyên Quang	
91	133	Nguyễn Thị Ngân		15/10/1996	Kinh	Khánh Sơn, Nam Đàn, Nghệ An	
92	135	Hoàng Thị Kim Ngân		06/01/1996	Tây	Vệ Hùng, Trăn Yên, Yên Bái	
93	136	Lý Thị Ngọc		02/7/1995	Tây	Tân Dương, Định Hóa, Thái Nguyên	
94	138	Đoàn Thị Ngọc		16/12/1996	Kinh	Phù Hóa, Lương Tài, Bắc Ninh	
95	139	Nguyễn Văn Ngọc	13/10/1996		Kinh	Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	

STT	Số hầu danh	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
96	137	Năng Đức Ngọc	05/02/1996		Tày	Trị Phương, Trại Linh, Cao Bằng	
97	141	Đặng Chí Nguyễn	14/2/1996		Kinh	Đông Hòa, An Minh, Kiên Giang	
98	142	Trương Thị Ánh Nguyệt		30/01/1996	Kinh	Sơn Vi, Lâm Thao, Phú Thọ	
99	143	Phạm Thị Thanh Nhân		01/3/1996	Kinh	Lệ Ninh, Lệ Thủy, Quảng Bình	
100	145	Nguyễn Thị Khánh Như		29/8/1996	Kinh	TP Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	
101	144	Phùng Thị Quỳnh Như		14/4/1996	Nông	Đa Ngai, Krông Búk, Đắk Lắk	
102	146	Vý Quốc Phát	03/02/1996		Sán Dào	Tiền Lãng, Tiền Yên, Quảng Ninh	
103	148	Nguyễn Mạnh Phong	2/4/1996		Kinh	Hồ Lặc, Hạ Long, Quảng Ninh	
104	152	Hoàng Văn Phúc	3/9/1995		Kinh	Krông Búk, Đắk Lắk	
105	149	Phạm Nguyễn Hoàng Phúc	29/02/1996		Kinh	Phủ Thuận, Châu Thành, Đồng Tháp	
106	154	Trần Thị Ngọc Phương		19/9/1996	Kinh	Triệu Thuận, Triệu Phong, Quảng Trị	
107	155	Nguyễn Thị Thu Phương		10/9/1996	Kinh	Đại Hùng, Mỹ Đức, Hà Nội	
108	159	Nguyễn Hoàng Quý	29/5/1996		Kinh	Vĩnh Thuận, Vĩnh Hưng, Long An	
109	161	Hoàng Thị Quỳnh		11/3/1996	Tày	Nghĩa Bả, Lục Ngạn, Bắc Giang	
110	164	Lê Thị Như Quỳnh		05/10/1994	Kinh	Sơ Pa, Kháng, Gia Lai	
111	163	Vũ Ngọc Quỳnh		23/4/1996	Kinh	TT Quý Châu, Quý Châu, Nghi An	
112	162	Phạm Thanh Quỳnh		06/08/1996	Kinh	Nghĩa Sơn, Nghĩa Hưng, Nam Định	
113	167	Hoàng Đức Sơn	28/9/1996		Tày	Quảng Khê, Ba Bể, Bắc Kạn	
114	165	Nguyễn Hồng Sơn	24/12/1990		Kinh	Mũi Sơn, Sơn La	
115	169	Phạm Tấn Tài	20/11/1996		Kinh	Cần Yên, Cần Xuyên, Hà Tĩnh	
116	200	Nguyễn Đức Toàn	24/6/1996		Kinh	Tiền Lương, Cẩm Khê, Phú Thọ	
117	201	Vũ Đức Toàn	29/11/1994		Kinh	Bích Đào, Ninh Bình, Ninh Bình	
118	202	Trịnh Văn Toàn	28/8/1994		Tày	An Phú, Lạc Yên, Yên Bái	
119	212	Trương Tiến Tù	23/12/1996		Kinh	Hòa An, Chiêm Hòa, Tuyên Quang	
120	213	Hà Minh Tuấn	23/8/1994		Tày	Mình Tân, Yên Bái, Yên Bái	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
121	214	Bùi Đức Tuấn	27/01/1995		Kinh	Đông Nam, Đông Sơn, Thanh Hóa	
122	217	Hoàng Thanh Tùng	18/4/1996		Kinh	Thị xã Đô, Thị xã Hòa, Thanh Hóa	
123	171	Nguyễn Thanh Thành	28/3/1994		Kinh	Nam Sơn, Bắc Ninh, Bắc Ninh	
124	172	Lê Văn Thanh	14/6/1996		Kinh	Kiểm Nữ, Đắk Nông	
125	174	Phạm Văn Thịnh	20/02/1995		Kinh	Ayut, Mường Yang, Gia Lai	
126	173	Phạm Văn Thịnh	10/10/1996		Kinh	Hải Yên-Móng Cũ-Quảng Ninh	
127	175	Trần Xuân Thao	15/01/1996		Kinh	Ngũ Lễ, Ngũ Hưng, Nam Định	
128	179	Nguyễn Vũ Phương Thảo		19/10/1996	Kinh	Hầm Lam, Điện Biên, Điện Biên	
129	177	Đinh Ngọc Thảo		3/5/1996	Kinh	T.T. Khương, Khương, Gia Lai	
130	181	Trịnh Hương Thảo		11/09/1995	Kinh	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	
131	176	Trịnh Thị Phương Thảo		14/3/1996	Kinh	Thanh Lập, Thanh Trì, Hà Nội	
132	183	Ngọc Đức Thọ	08/11/1996		Tày	Vệ Tiến, Bảo Yên, Lào Cai	
133	188	Mai Thị Hồng Thu		03/02/1994	Kinh	Phủ Lý, Hà Nam	
134	189	Quách Thị Thu		05/8/1995	Mường	Cần Quý, Cần Thủy, Thanh Hóa	
135	190	Phùng Mai Thủy		13/11/1996	Tày	Văn Bàn, Lào Cai	
136	193	Nguyễn Thị Thủy		12/12/1996	Kinh	Cần Sơn, Cần Phú, Quảng Ninh	
137	194	Lê Thị Thu Thủy		14/6/1996	Kinh	Kiểm Nữ, Đắk Nông	
138	192	Bùi Thị Thương		13/12/1996	Mường	Hòa Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	
139	191	Lưu Thị Cảnh Thương		23/9/1996	Tày	Phủ Lý, Phủ Lương, Thái Nguyên	
140	203	Nguyễn Thị Huyền Trân		26/11/1996	Tày	Bạch Đằng, Hòa An, Cao Bằng	
141	207	Nguyễn Đức Trọng	28/4/1996		Kinh	Hương Vĩ, Yên Thế, Bắc Giang	
142	209	Nguyễn Vũ Trung	15/7/1996		Kinh	Chi Nô, Lạc Thủy, Hòa Bình	
143	288	Lê Đức Trung	30/3/1995		Kinh	Cần Trung-Cần Phú-Quảng Ninh	
144	231	Dương Xuân Trường	08/9/1996		Kinh	Hà Khinh, Hạ Long, Quảng Ninh	
145	210	Ngô Văn Trường	19/8/1994		Kinh	Hồng Phú, Hồng Hóa, Thanh Hóa	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính		Dân tộc	Nơi đăng ký HKTT	Ghi chú
			Nam	Nữ			
146	218	Hoàng Tú Văn		09/8/1995	Tây	Vũ Linh, Yên Bình, Yên Bái	
147	222	Mai Như Ý	19/11/1996		Kinh	Yên Bình, Yên Bình, Yên Bái	
148	232	Trịnh Thị Yến		25/8/1995	Dao	Cần Sơn, Cần Thủy, Thanh Hóa	
149	234	Trần Thị Hải Yến		22/7/1996	Kinh	Hệp Sơn, Kinh Môn, Hải Dương	
150	231	Lâm Thảo Yến		21/8/1996	Tây	Kim Sơn, Bảo Yên, Lào Cai	
151	230	Phùng Ngọc Yến		31/8/1996	Kinh	Trương Vương, Việt Trì, Phú Thọ	
152	229	Lê Thị Yến		17/11/1996	Sán Dưa	Mình Lập, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	
153	226	Trịnh Thị Hải Yến		28/10/1996	Kinh	Tân Phước, Đồng Phú, Bình Phước	
154	227	Trần Thị Yến		22/01/1996	Kinh	Gia Cẩm, Việt Trì, Phú Thọ	

